

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 09-5-2023  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khoa

2. Ông Trịnh Xuân Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân  
huyện Thanh Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến  
Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú,  
tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:  
28/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-  
HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1981; Trú tại: Số A, ấp G, xã G,  
huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Phước H, sinh năm 1980; ĐKTT: Số A, ấp G, xã G,  
huyện T, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà  
Huỳnh Thị L trình bày:**

Bà L và ông Huỳnh Phước H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết  
hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre vào năm 2006. Quá trình  
chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh  
mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung và hay cãi nhau. Bà  
L đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Do không còn  
tình cảm với ông H nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với  
ông Huỳnh Phước H, bà L không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc M, sinh ngày 28/5/2000 đã trưởng thành; bà L yêu cầu nuôi cháu Huỳnh Nhật M1, sinh ngày 10/7/2012, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L có đơn yêu cầu vắng mặt nên không có lời trình bày phiên tòa.

**Ông Huỳnh Phước H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.**

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông H, không cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc M, sinh ngày 28/5/2000 đã trưởng thành nên không xét đến; bà L được tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Nhật M1, sinh ngày 10/7/2012, ông H không cấp dưỡng nuôi con chung do bà L tự nguyện không yêu cầu; tài sản chung: Tự thỏa thuận; nợ chung: Không có nên không xét đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị L có yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông Huỳnh Phước H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông H là phù hợp với Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Huỳnh Phước H có nơi cư trú tại ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre vào năm 2006 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà L, sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc

được thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Ông Huỳnh Phước H được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng đều vắng mặt. Điều này cho thấy ông H đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 09/3/2023, bà Huỳnh Thị Ngọc M (là con ruột của bà L, ông H) trình bày cha mẹ thường xuyên cãi nhau, cả hai đã sống ly thân từ trước Tết Nguyên đán cho đến nay (BL22). Bản thân bà L vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H. Điều này chứng tỏ việc hàn gắn tình cảm cho bà L và ông H không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà L và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông H là phù hợp quy định pháp luật. Bà L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận; ông H vắng mặt nên không có lời trình bày đối với yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên không xét đến.

[4] Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc M, sinh ngày 28/5/2000 và Huỳnh Nhật M1, sinh ngày 10/7/2012. Cháu Huỳnh Thị Ngọc M, sinh ngày 28/5/2000 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Bà L có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Nhật M1, sinh ngày 10/7/2012. Xét việc giao con chung cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Bà L có công việc và thu nhập ổn định, con chung vẫn được bà L chăm sóc, phát triển bình thường. Tại biên bản xác minh ngày 09/3/2023; bà Huỳnh Thị Ngọc M xác nhận bà L làm công việc buôn bán, thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo việc phát triển đầy đủ mọi mặt, đảm bảo ổn định về mặt tâm lý và tinh thần cho con chung nên giao cháu Huỳnh Nhật M1 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà L khai tự thỏa thuận, ông H vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà L khai không có, ông H vắng mặt không có lời trình bày nên không xét đến.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị L đối với ông Huỳnh Phước H. Bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Huỳnh Phước H. Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị L và ông Huỳnh Phước H chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Huỳnh Thị L không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn; ông H vắng mặt nên không có lời trình bày đối với yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên không xét đến.

2. Về con chung: Cháu Huỳnh Thị Ngọc M, sinh ngày 28/5/2000 đã trưởng thành nên không xét đến. Bà L được tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Nhật M1, sinh ngày 10/7/2012; ông Huỳnh Phước H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Huỳnh Thị L tự nguyện không yêu cầu.

Ông Huỳnh Phước H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên cha mẹ, cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0001833 ngày 08/02/2023 Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Bà Huỳnh Thị L đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- UBND xã Giao Thạnh;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Huỳnh Minh Hiền**

